

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

QUÝ 02 NĂM 2011

Tháng 07 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		3,338,577,638,775	3,604,394,847,993
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		596,483,098,697	533,465,818,080
1. Tiền	111		302,504,799,388	281,478,772,769
2. Các khoản tương đương tiền	112		293,978,299,309	251,987,045,311
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		350,000,000	750,000,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		350,000,000	750,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,343,292,227,248	1,229,389,045,410
1. Phải thu khách hàng	131		612,319,206,439	873,096,439,376
2. Trả trước cho người bán	132		502,729,343,796	240,569,847,785
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		253,911,370,303	140,906,660,608
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(25,667,693,290)	(25,183,902,359)
IV. Hàng tồn kho	140		1,222,202,477,794	1,598,103,305,656
1. Hàng tồn kho	141		1,224,751,242,861	1,604,510,624,284
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,548,765,067)	(6,407,318,628)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		176,249,835,036	242,686,678,847
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		6,326,667,060	4,023,249,135
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		162,990,620,307	233,934,344,198
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1,396,105,765	2,054,817,693
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		5,536,441,904	2,674,267,821
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		904,941,179,852	776,577,743,255
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		352,620,761,012	278,321,022,600
1. Tài sản cố định hữu hình	221		182,768,561,476	151,935,922,245
- Nguyên giá	222		322,285,935,001	283,210,560,471
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(139,517,373,525)	(131,274,638,226)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		122,355,337,628	118,670,826,016
- Nguyên giá	228		124,688,519,796	120,815,297,996
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,333,182,168)	(2,144,471,980)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		47,496,861,908	7,714,274,339
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		138,539,041,493	136,245,000,000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		26,539,041,493	24,245,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		112,000,000,000	112,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
V. Tài sản dài hạn khác	260		413,781,377,347	362,011,720,655
1. Chi phí tìm kiếm, thăm dò	265		-	-
2. Chi phí phát triển mỏ	266		-	-
3. Chi phí trả trước dài hạn	261		410,169,828,377	346,016,505,457
4. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	12,200,968,137
5. Tài sản dài hạn khác	268		3,611,548,970	3,794,247,061
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4,243,518,818,627	4,380,972,591,248

NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		3,013,167,435,087	3,262,768,407,686
I. Nợ ngắn hạn	310		2,947,929,180,917	3,211,612,677,429
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		1,739,805,296,898	1,824,812,041,884
2. Phải trả người bán	312		652,393,177,763	785,448,150,981
3. Người mua trả tiền trước	313		263,504,401,924	237,831,492,746
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		52,969,895,809	121,622,029,001
5. Phải trả người lao động	315		47,065,053,813	85,543,446,394
6. Chi phí phải trả	316		21,564,231,565	11,041,841,358
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		146,961,096,496	115,214,482,336
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		23,666,026,649	30,099,192,729
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		65,238,254,170	51,155,730,257
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		33,151,360,633	27,659,045,107
4. Vay và nợ dài hạn	334		25,482,485,527	22,430,229,527
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,300,670,543	1,066,455,623
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		5,303,737,467	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		1,140,846,249,641	1,103,414,609,299
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,140,846,249,641	1,103,414,609,299
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		698,420,000,000	698,420,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		128,358,940,301	128,358,940,301
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		21,405,058,462	21,405,058,462
4. Cổ phiếu quỹ	414		(2,812,000,000)	(2,812,000,000)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		17,562,024,075	33,492,226,543
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		43,351,811,319	43,423,817,614
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		836,895,469	1,027,448,705
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		233,723,520,015	180,099,117,674
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ			89,505,133,899	14,789,574,263
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	439		89,505,133,899	14,789,574,263
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		4,243,518,818,627	4,380,972,591,248



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
---------	-------	-------------	----------------	------------

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	Số cuối kỳ này	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài (giá trị còn lại)		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2.1 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
2.2 <i>Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ khi cô phần hóa</i>		-	-
2.3 <i>Vật tư hàng hóa hàng viên trợ</i>		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại (chỉ tiết theo nguyên tệ)		-	-
Đô la Mỹ (USD)		1,922,499.32	810,515
Đồng Euro (EUR)		5.60	1,510
Yên Nhật (JPY)		-	-
Bảng Anh (GBP)		365.84	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

NGƯỜI LẬP BIỂU

Tai huu

TRƯƠNG ĐẠI HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Văn Đại

ĐÀO VĂN ĐẠI

Ngày 01 tháng 08 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



PHÙNG TUẤN HÀ



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT

Quý 02/2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 02		Luỹ kế	
			Năm 2011	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2,267,204,438,130	2,417,343,282,337	4,773,303,664,136	4,606,972,519,876
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		45,722,801,435	52,553,528,989	73,345,463,738	77,204,115,206
- Chiết khấu thương mại					52,404,305,828	-
- Giảm giá hàng bán					13,797,192,318	-
- Hàng bán trả lại					7,143,965,592	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		2,221,481,636,695	2,364,789,753,348	4,699,958,200,398	4,529,768,404,670
4. Giá vốn hàng bán	11		1,999,127,126,437	2,189,442,609,957	4,198,307,145,334	4,176,678,927,531
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		222,354,510,258	175,347,143,391	501,651,055,064	353,089,477,139
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		15,476,920,464	12,394,857,038	30,909,171,609	24,575,494,981
7. Chi phí tài chính	22		82,874,748,160	32,755,375,429	203,378,008,188	75,596,617,048
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		37,051,646,355	26,854,688,168	74,963,084,497	52,424,458,678
8. Chi phí bán hàng	24		55,975,763,161	84,811,624,351	96,459,581,950	142,430,085,451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27,556,669,530	25,263,708,390	85,958,338,711	59,914,725,236
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		71,424,249,871	44,911,292,259	146,764,297,824	99,723,544,385
11. Thu nhập khác	31		8,530,738,570	5,416,286,073	92,890,361,574	9,590,917,339
12. Chi phí khác	32		3,161,655,850	346,992,933	5,242,515,329	1,443,007,031
13. Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động khác (40=31-32)	40		5,369,082,720	5,069,293,140	87,647,846,245	8,147,910,308
14. Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-	500,989,830	-
15. Tổng lợi nhuận (lỗ) thuần trước thuế (50=30+40)	50		76,793,332,591	49,980,585,399	234,913,133,899	107,871,454,693
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51		14,623,157,852	15,686,482,251	53,158,030,118	29,639,865,721
17. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-	12,200,968,137	-
18. Lợi nhuận (lỗ) thuần sau thuế TNDN (60=50-51)	60		62,170,174,739	34,294,103,148	169,554,135,644	78,231,588,972
Phân phối cho:						
Cổ đông của Công ty	61		60,171,726,960	34,049,965,997	165,417,460,613	78,187,395,094
Lợi ích của cổ đông thiểu số	62		2,499,437,609	244,137,151	4,136,675,031	44,193,878

Ngày 01 tháng 08 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

Trương Đại Hùng

TRƯỞNG ĐẠI HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Đào Văn Đại

ĐÀO VĂN ĐẠI



PHÙNG TUẤN HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

Mẫu số B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	234.913.133.899	107.871.454.693
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	15.575.362.202	11.239.324.306
Các khoản dự phòng	03	(3.374.762.630)	457.124.102
(Lãi) Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	23.902.837.241
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(24.104.534.086)	(5.742.070.640)
Chi phí lãi vay	06	74.963.084.497	52.424.458.678
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	297.972.283.882	190.153.128.380
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(101.977.465.554)	221.653.016.564
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	379.759.381.423	(104.737.212.852)
Tăng các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(113.401.639.512)	(293.372.676.132)
(Tăng) chi phí trả trước	12	(21.404.243.777)	(50.977.243.589)
Tiền lãi vay đã trả	13	(73.188.178.328)	(44.827.609.758)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(83.482.002.119)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.233.064.494)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	278.045.071.521	(90.081.735.804)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(53.272.082.795)	(13.431.984.789)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.033.529.538
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	146.689.104.156
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(2.493.057.423)	(45.416.986.720)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	400.000.000	-
6. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	-	5.574.187.535
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(55.365.140.218)	94.447.849.720
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành	32	-	(350.000.000)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2.792.865.308.892	2.763.278.723.176
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(2.880.948.104.791)	(2.735.234.111.231)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(71.416.655.600)	(66.244.200.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(159.499.451.499)	(38.549.588.055)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	63.180.479.804	(34.183.474.139)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	533.465.818.080	431.280.211.670
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(163.199.187)	484.431.527
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	596.483.098.697	397.581.169.058

Ngày 01 tháng 08 năm 2011

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trương Đại Hùng
TRƯƠNG ĐẠI HÙNG

Đào Văn Đại
ĐÀO VĂN ĐẠI



PHÙNG TUẤN HÀ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam dưới hình thức công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005338 ngày 29 tháng 9 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty được chuyển đổi từ Công ty Dịch vụ Du lịch Dầu khí, một công ty Nhà nước thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam (gọi tắt là “Petro Việt Nam”).

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 2.435 (31 tháng 12 năm 2010 là 2.338).

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm: sản xuất, kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ về sinh hoạt, đời sống cho các hoạt động của ngành dầu khí; kinh doanh điện thoại di động và các linh kiện dùng cho điện thoại, phân phối máy tính, kinh doanh bất động sản, lập dự án đầu tư, đại lý vé máy bay, vệ sinh khu nhà và các công trình, bán buôn hóa chất, máy móc thiết bị phục vụ cho vệ sinh công nghiệp, dịch vụ quản lý bất động sản, bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh, nhựa tổng hợp, sản xuất bao bì từ nhựa tổng hợp, xuất khẩu lao động, cung ứng lao động; cho thuê kho bãi, nhà xưởng, mặt bằng, phương tiện vận tải, văn phòng; kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế, khách sạn, nhà ở; chế biến, mua bán lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm, hàng nông hải sản; mua bán máy móc thiết bị; làm đại lý mua bán hàng hóa, kinh doanh xăng dầu; xây dựng dân dụng và công nghiệp; sản xuất bao bì, phân bón; buôn bán chất dẻo dạng nguyên sinh; buôn bán nhựa tổng hợp; sản xuất bao bì từ plastic (trừ tái chế phế thải).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31/12/2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 6 năm 2011. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận

Đầu tư vào công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính là 01 năm.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2011 (%)
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 - 20
Máy móc, thiết bị	14,2 - 20
Phương tiện vận tải	14,2 - 20
Dụng cụ quản lý	25 - 33
Tài sản cố định khác	25 - 33

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong năm khi phát sinh.

Tổng Công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê tài sản. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng của lô đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không phải tính khấu hao. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là tám (08) năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng, giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền đã được trả trước để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán hợp nhất; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm (hoặc được ghi nhận một phần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm). Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh và được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo VAS10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất. Theo đó, nếu áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo VAS10 làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2011 tăng 17.562.024.075 VND và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các quỹ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2011, Tổng Công ty sẽ trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 với tỷ lệ như sau (đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 Tổng công ty chưa thực hiện phân phối lợi nhuận liên quan đến kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2011):

Quỹ khen thưởng, phúc lợi	7% lợi nhuận sau thuế
Quỹ đầu tư phát triển	10% lợi nhuận sau thuế
Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	5.302.767.452	4.477.931.680
Tiền gửi ngân hàng	422.202.031.936	277.000.841.089
Các khoản tương đương tiền	168.978.299.309	251.987.045.311
	596.483.098.697	533.465.818.080

6. HÀNG TỒN KHO

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	270.159.350.892	374.136.353.539
Nguyên liệu, vật liệu	7.617.175.584	6.261.014.674
Công cụ, dụng cụ	672.812.022	6.427.564.094
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	285.902.673
Thành phẩm	280.613.751	82.251.857
Hàng hoá	921.305.569.448	1.177.303.206.658
Hàng gửi bán	24.715.721.164	40.014.330.789
Cộng	1.224.751.242.861	1.604.510.624.284
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.548.765.067)	(6.407.318.628)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	1.222.202.477.794	1.598.103.305.656

7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2011	137.711.746.557	66.389.465.811	64.921.770.146	11.952.048.947	2.235.529.010	283.210.560.471
Mua trong năm	-	106.708.682	3.890.488.522	1.070.259.755	-	5.067.456.959
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	13.731.983.601	-	-	-	-	13.731.983.601
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	2.566.574.439	(800.406.887)	20.025.070.847	(224.958.936)	-	21.566.279.463
Thanh lý	-	(134.094.460)	(1.156.251.033)	-	-	(1.290.345.493)
Tại ngày 31/12/2011	154.010.304.597	65.561.673.146	87.681.078.482	12.797.349.766	2.235.529.010	322.285.935.001
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2011	52.132.264.088	43.391.301.954	27.991.973.707	7.682.284.900	76.813.577	131.274.638.226
Khấu hao trong năm	3.339.927.431	4.310.392.639	6.285.421.230	1.414.624.578	36.286.136	15.386.652.014
Đánh giá lại tài sản cố phần hóa	(4.877.025.760)	(11.314.321.520)	10.581.225.076	(583.992.168)	-	(6.194.114.372)
Thanh lý	-	(134.094.460)	(815.707.883)	-	-	(949.802.343)
Tại ngày 31/12/2011	50.595.165.759	36.253.278.613	44.042.912.130	8.512.917.310	113.099.713	139.517.373.525
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2011	103.415.138.838	29.308.394.533	43.638.166.352	4.284.432.456	2.122.429.297	182.768.561.476
Tại ngày 31/12/2010	85.579.482.469	22.998.163.857	36.929.796.439	4.269.764.047	2.158.715.433	151.935.922.245

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2011	118.756.449.646	2.058.848.350	-	120.815.297.996
Tăng trong năm	3.688.567.000	63.400.000	121.254.800	3.873.221.800
Tại ngày 31/12/2011	122.445.016.646	2.122.248.350	121.254.800	124.688.519.796
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2011	937.495.191	1.206.976.789	-	2.144.471.980
Khấu hao trong năm	59.327.202	113.831.846	15.551.140	188.710.188
Tại ngày 31/12/2011	996.822.393	1.320.808.635	15.551.140	2.333.182.168
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2011	121.448.194.253	801.439.715	105.703.660	122.355.337.628
Tại ngày 31/12/2010	117.818.954.455	851.871.561	-	118.670.826.016

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang	47.496.861.908	7.714.274.339
<i>Trong đó một số công trình lớn:</i>		
Công trình Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Dung Quất	11.947.809.143	1.504.192.779
DA Petrosetco Tower Thanh Đa – TP HCM	8.456.768.939	3.615.263.635
Dự án Nhà máy sản xuất Bao bì	26.477.091.076	743.669.228
	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2010
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	7.714.274.339	68.505.294.840
Tăng trong năm	53.384.174.984	30.166.951.644
Kết chuyển sang tài sản cố định	13.601.587.415	-
Giảm khác	-	90.957.972.145
Số dư cuối kỳ	47.496.861.908	7.714.274.339

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Vũng Tàu”) được thành lập tại thành phố Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4904000231 ngày 03 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Petrosetco Vũng Tàu được thành lập trên cơ sở sáp nhập ba đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Biển, Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu và Chi nhánh Tổng Công ty tại Vũng Tàu. Ngày 12 tháng 10 năm 2010, Tổng Công ty quyết định sáp nhập Công ty TNHH Một thành viên Chế biến Suất ăn và Thương mại Dầu khí (PBC) vào Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3500835690 ngày 25 tháng 10 năm 2010. Thời điểm sát nhập kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2010. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, Petrosetco Vũng Tàu chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 3500835690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ là 60 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 48 tỷ VND.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Phân phối”) được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 9 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Trading”) được thành lập trên cơ sở Chi nhánh Xí nghiệp Dịch vụ Thương mại Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003173 ngày 14 tháng 01 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Petrosetco Sài Gòn”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Xí nghiệp Dịch vụ Dầu khí Sài Gòn và Xí nghiệp Cung ứng Nhân lực và Dịch vụ lưu hành theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003310 ngày 25 tháng 01 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 05 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Dầu khí Miền Trung (sau đây gọi tắt là “PSMT”) được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai đơn vị trực thuộc là Khách sạn PetroVietnam - Sông Trà và Chi nhánh Tổng Công ty tại Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3403000191 ngày 29 tháng 8 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp. Ngày 01 tháng 01 năm 2011, PSMT chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300368426 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ngãi cấp với số vốn điều lệ là 107 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 62% vốn điều lệ tương ứng với 66,34 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển (sau đây gọi tắt là “POTS”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000765 ngày 13 tháng 4 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (sau đây gọi tắt là “PVA”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104002191 ngày 12 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Ngày 18 tháng 01 năm 2011, PVA chính thức chuyển thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102471424 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với số vốn điều lệ là 68 tỷ VND, trong đó Tổng Công ty nắm giữ 80% vốn điều lệ tương ứng với 54,4 tỷ VND.

Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Thương mại Dầu khí Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Petro Hà Nội”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104000100 ngày 22 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong năm, Tổng Công ty đã nhận chuyển nhượng Petro Hà Nội từ Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil), theo đó Petro Hà Nội trở thành công ty con của Tổng Công ty từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Công ty Cổ phần Bao Bì Việt Nam (sau đây gọi tắt là “PSP”) thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1900437757 ngày 11 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty TNHH PETROSETCO SSG (sau đây gọi tắt là “PSSSG”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310511124 ngày 13 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ 51% vốn điều lệ.

Công ty Cổ phần Hội tụ Thông minh (sau đây gọi tắt là “Smartcom”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310864017 ngày 19 tháng 5 năm 2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp 50% vốn điều lệ và gián tiếp 10% vốn điều lệ thông qua PSD.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

	Vốn điều lệ đã đăng ký	Số tiền đầu tư vào Công ty con	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ
	30/6/2011	30/6/2011		
	VND	VND	%	%
Petrosetco Trading	39.500.000.000	39.500.000.000	100	100
Petrosetco Sài Gòn	10.400.000.000	10.400.000.000	100	100
Petrosetco Vũng Tàu (i)	60.000.000.000	49.341.999.232	100	100
PSMT	107.000.000.000	66.340.000.000	100	100
Petrosetco Phân phối	92.000.000.000	92.000.000.000	100	100
POTS (i)	30.000.000.000	31.681.662.678	100	100
PVA (i)	68.000.000.000	60.583.637.417	100	100
Petro Hà Nội (i)	18.410.685.729	30.362.282.732	100	100
PSP	25.000.000.000	12.750.000.000	51	51
PSSSG (ii)	450.000.000.000	9.985.163.997	51	51
Smartcom (iii)	10.000.000.000	-		
	900.310.685.729	402.944.746.056		

i) Phát sinh lợi thế thương mại khi thực hiện hợp nhất kinh doanh các đơn vị vào Tổng Công ty.

(ii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại PSSSG là 51%.

(iii) Thực hiện góp vốn theo tiến độ, tỉ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Smartcom là 60% (nắm giữ trực tiếp 50% và gián tiếp 10% thông qua PSD).

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Petro Vietnam Residence Development and Management Joint Stock Company - PV Building	17.794.041.493	16.500.000.000
Bestfoods Catering and Trading Joint Stock Company (i)	-	-
Dreamhouse Petroleum Service Education Company Limited - Dreamhouse	245.000.000	245.000.000
FGAS Petroleum Joint Stock Company - FGAS	7.500.000.000	7.500.000.000
	25.539.041.493	24.245.000.000

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí (PV-Building)	Quảng Ngãi	30	30	Quản lý và khai thác nhà ở
Công ty TNHH Dịch vụ Giáo Dục Dầu khí Dreamhouse	Bà Rịa-Vũng Tàu	49	49	Giáo dục mầm non
Công ty Cổ phần Dầu khí FGAS	Quảng Ngãi	25	25	Kinh doanh nhiên liệu khí hóa lỏng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Lộc Việt	Hà Nội	20	20	Kinh doanh nhà hàng

12. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trong năm 2010, Tổng Công ty giảm tỷ lệ vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung (PCB) từ 51% xuống 14%. Theo đó, trong báo cáo tài chính này, khoản đầu tư vào PCB sẽ được phân loại là đầu tư tài chính dài hạn khác. Số dư khoản đầu tư này tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 112.000.000.000 VND.

Theo Nghị quyết số 6481/NQ-DKVN ngày 22 tháng 7 năm 2011, Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua chủ trương đề Tổng công ty chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sinh học Miền Trung cho Tổng công ty Dầu Việt Nam

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng (i)	333.466.911.211	339.785.096.073
Chênh lệch đánh giá lại tài sản (ii)	47.914.671.151	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	28.788.246.015	6.231.409.384
	<u>410.169.828.377</u>	<u>346.016.505.457</u>

(i) Chi phí trả trước dài hạn là khoản trả trước tiền thuê văn phòng, thể hiện số tiền trả trước cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam để thuê 4.844,36 m² tại Tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010.

(ii) Trong kỳ PSA, PSV và PSMT thực hiện đánh giá lại tài sản chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, lợi thế kinh doanh phát sinh theo biên bản thẩm định giá lần lượt là 6.006.130.380, 12.595.093.168 và 33.235.767.000 đồng. Công ty thực hiện phản ánh lợi thế kinh doanh này trên chi tiêu chi phí trả trước dài hạn và thực hiện phân bổ theo thời gian, với mức phân bổ lần lượt tương ứng là 3 năm, 5 năm và 10 năm.

14. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	-	48.803.872.542
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
	<u>-</u>	<u>12.200.968.136</u>

Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại khoản vay ngắn hạn với số tiền 4.827.886.930 chưa được đơn vị xác định thuế thu nhập doanh nghiệp hoàn lại.

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<u>Từ ngày 01/01/2011</u>
	<u>đến ngày 30/6/2011</u>
	VND
Tại ngày 01 tháng 01	-
Tăng trong năm	-
Phân bổ trong năm	-
Số dư cuối năm	<u>-</u>
<i>Lợi thế thương mại phát sinh từ các năm trước là:</i>	
	Số tiền
	VND
Petro Hà Nội	11.951.597.003
PBC (sáp nhập vào Petrosetco Vũng Tàu trong năm 2010)	1.341.999.232
Công ty TNHH Một thành viên Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Biển	1.681.662.678
Công ty TNHH Một thành viên Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí	6.183.637.417
	<u>21.158.896.330</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Báo cáo tài chính hợp nhất

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn (i)		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	158.789.465.146	477.687.320.612
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	90.719.200.000	99.447.770.276
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội	2.738.078.956	33.174.390.159
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	-	181.716.237.850
Ngân hàng Standard Charter VN	144.222.967.730	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Bình Thạnh	47.799.536.182	23.544.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	169.082.089.572
Ngân hàng Indochina - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	-	277.140.531.020
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	700.000.000.000	-
Ngân hàng Phát triển Việt Nam (VIB)	21.113.571.216	15.398.034.695
Ngân hàng TNHH HSBC Việt Nam	226.797.376.924	207.138.049.450
Ngân hàng TNHH ANZ Việt Nam	204.542.353.496	187.329.572.064
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	138.665.623.762	145.572.487.215
Vay dài hạn đến hạn trả	4.417.123.486	7.581.558.971
	<u>1.739.805.296.898</u>	<u>1.824.812.041.884</u>

(i) Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay từ các ngân hàng thương mại và tổ chức tài chính dưới hình thức vay ngắn hạn hoặc phát hành tín dụng thư, không có đảm bảo. Lãi suất lãi tiền vay được xác định theo lãi suất huy động tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của NH TMCP Ngoại thương VN cộng 0.5% hoặc lãi suất điều chỉnh theo lãi suất thỏa thuận cho các khoản vay bằng Đồng Việt Nam và từ 3,9% đến 5,3%/năm cho các khoản vay bằng đô la Mỹ (USD). Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Số dư các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 728.268.773.658 VND và 49.060.846 USD.

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	24.502.562.695	51.601.892.924
Thuế xuất nhập khẩu	5.230.437.579	13.849.945.790
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22.443.264.419	53.634.985.194
Các loại thuế khác	793.631.116	2.535.205.093
	<u>52.969.895.809</u>	<u>121.622.029.001</u>

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận	6.552.256.000	3.500.000.000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	18.930.229.527	18.930.229.527
	<u>25.482.485.527</u>	<u>18.930.229.527</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn 58 tỷ VND với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam nhằm tài trợ cho dự án đầu tư xây Trung tâm Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi. Khoản vay này không có đảm bảo và chịu lãi với mức lãi suất một năm bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn kỳ hạn 12 tháng cộng 2,88%. Khoản vay có thời hạn vay tối đa là sáu năm và sẽ được hoàn trả nửa năm một lần sau thời gian ân hạn.

Ngày 20 tháng 9 năm 2010, Tổng Công ty đã ký hợp đồng vay dài hạn với Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Tân Thuận với số tiền 9.700.000.000 VND nhằm mục đích cải tạo, sửa chữa Khách sạn Holiday Mansion tại Vũng Tàu, lãi suất sẽ được quy định trong từng khế ước nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng bất động sản số 12 Trương Công Định, Thành phố Vũng Tàu, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu thuộc sở hữu của Tổng Công Ty và lãi suất được quy định tại mỗi khế ước nhận nợ. Thời gian vay là 84 tháng kể từ kể từ ngày nhận tiền vay lần đầu.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	4.417.123.486	7.581.558.971
Trong năm thứ hai	8.744.502.972	11.081.558.972
Từ năm thứ ba trở đi	16.737.982.555	11.348.670.555
	<u>29.899.609.013</u>	<u>30.011.788.498</u>
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	4.417.123.486	7.581.558.971
Số phải trả sau 12 tháng	<u>25.482.485.527</u>	<u>22.430.229.527</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2010	554.720.000.000	52.120.798.051	12.669.047.040	(2.335.000.000)	(15.295.831.325)	26.011.367.417	243.337.950	107.526.549.589	735.660.268.722
Phát hành cổ phiếu	143.700.000.000	76.238.142.250	-	-	-	-	-	-	219.938.142.250
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	186.364.746.260	186.364.746.260
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(66.244.200.000)	(66.244.200.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	(477.000.000)	-	-	-	-	(477.000.000)
Tặng do hợp nhất	-	-	29.786.324	-	6.621.356.481	-	1.081.667.438	3.035.604.425	10.768.414.668
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	33.492.226.543	-	-	-	33.492.226.543
Trích lập các quỹ	-	-	8.706.225.098	-	-	17.412.450.197	144.927.398	(50.578.674.582)	(24.315.071.889)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	-	(177.357.057)	(744.703.576)	(922.060.633)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	15.295.831.325	-	-	-	15.295.831.325
Điều chỉnh theo thanh tra thuế PBC	-	-	-	-	-	-	-	(830.159.973)	(830.159.973)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận tại PCB	-	-	-	-	-	-	-	2.034.201.870	2.034.201.870
Giảm khác	-	-	-	-	(6.621.356.481)	-	(265.127.024)	(464.246.339)	(7.350.729.844)
Số dư tại ngày 31/12/2010	698.420.000.000	128.358.940.301	21.405.058.462	(2.812.000.000)	33.492.226.543	43.423.817.614	1.027.448.705	180.099.117.674	1.103.414.609.299
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	165.417.460.613	165.417.460.613
Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(111.297.280.000)	(111.297.280.000)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	-	-	-	-	17.562.024.075	-	-	-	17.562.024.075
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	349.125.878	-	(495.778.274)	(146.652.396)
Phân phối lợi nhuận cho cổ đông thiếu số	-	-	-	-	-	(421.132.172)	(190.553.236)	-	(611.685.408)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	(33.492.226.543)	-	-	-	(33.492.226.543)
Số dư tại ngày 30/6/2011	698.420.000.000	128.358.940.301	21.405.058.462	(2.812.000.000)	17.562.024.075	43.351.811.320	836.895.469	233.723.520.013	1.140.846.249.640

Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 29 tháng 4 năm 2010, Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định mức chi trả cổ tức của năm 2010 bằng tiền mặt với tỷ lệ 16%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỷ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty.

Theo Nghị quyết số 12/NQ-DVTHDK ngày 27 tháng 4 năm 2010 Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty quyết định tỷ lệ trích các quỹ năm 2010 từ lợi nhuận sau thuế của toàn Tổng Công ty như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển:	10%
- Quỹ dự phòng tăng vốn điều lệ:	5%
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi:	6%

Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty đã phê chuẩn việc chia cổ tức từ lợi nhuận của năm 2010 với số tiền là 111.297.280.000 VND.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần 09 số 0300452060 ngày 09 tháng 11 năm 2010, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 699 tỷ VND. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	30/6/2011		31/12/2010	
	Số tiền	%	Số tiền	%
Tập đoàn dầu khí Việt Nam	246.092.850.000	35,24	246.092.850.000	44,36
Các cổ đông khác	452.327.150.000	64,76	452.327.150.000	55,64
	698.420.000.000	100	698.420.000.000	100

20. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nguồn vốn kinh doanh	85.384.135.358	15.190.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	421.132.172	-
Quỹ dự phòng tài chính	190.553.236	-
Lợi nhuận/(Lỗ) lũy kế	3.509.313.134	(400.425.737)
	89.505.133.900	14.789.574.263

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty được chia thành 5 bộ phận hoạt động: bộ phận kinh doanh hàng điện tử, bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí, bộ phận kinh doanh hạt nhựa, bộ phận phân phối gas và bộ phận khác. Tổng Công ty lập báo cáo bộ phận theo năm bộ phận kinh doanh này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

Hoạt động chủ yếu của năm bộ phận kinh doanh trên như sau:

Bộ phận kinh doanh hàng điện tử: phân phối hàng điện tử (chủ yếu là điện thoại di động, máy tính xách tay);

Bộ phận cung cấp thiết bị vật tư cho ngành dầu khí: cung cấp thiết bị, vật tư cho ngành dầu khí;

Bộ phận kinh doanh hạt nhựa: hoạt động thương mại liên quan đến hạt nhựa PP;

Bộ phận phân phối gas: phân phối, sang chiết gas, nhiên liệu hóa lỏng;

Bộ phận khác: các bộ phận kinh doanh khác tại Tổng Công ty.

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011:

	Hàng điện tử		Vật tư thiết bị ngành dầu khí		Hạt nhựa	Phân phối Gas		Dịch vụ khác		Loại trừ	Tổng cộng	
	VND		VND		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tài sản												
Tài sản bộ phận	1.986.005.054.259		363.030.137.297		156.921.181.068	170.661.445.169		2.807.064.544.866	(1.240.163.544.032)		1.961.286.795.946	
Tài sản không phân bổ											2.282.232.022.681	
Tổng tài sản hợp nhất											4.243.518.818.627	
Nợ phải trả												
Nợ phải trả bộ phận	1.836.649.947.436		327.112.342.166		167.929.608.029	154.644.564.642		1.346.999.407.047	(820.168.434.233)		1.843.148.747.348	
Nợ phải trả không phân bổ	-		-		-	-		-	-		1.170.018.687.739	
Tổng nợ phải trả hợp nhất											3.013.167.435.087	

21. BÁO CÁO BỘ PHẬN (Tiếp theo)

	Hàng điện từ	Vật tư thiết bị ngành dầu khí	Hạt nhựa	Phân phối Gas	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ							
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.036.318.430.253	997.313.576.475	526.990.690.080	299.415.870.108	438.713.766.657	(598.794.133.175)	4.699.958.200.398
Tổng doanh thu	3.036.318.430.253	997.313.576.475	526.990.690.080	299.415.870.108	438.713.766.657	(598.794.133.175)	4.699.958.200.398
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	2.727.745.387.369	915.768.251.340	504.375.308.506	271.632.582.388	344.644.052.899	(565.858.437.168)	4.198.307.145.334
Kết quả hoạt động kinh doanh							
Kết quả kinh doanh bộ phận	308.573.042.884	81.545.325.135	22.615.381.574	27.783.287.720	94.069.713.758	(32.935.696.007)	501.651.055.064
Chi phí không phân bổ							182.417.920.661
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh							319.233.134.403
Doanh thu từ các khoản đầu tư							31.410.161.439
Lợi nhuận khác							87.647.846.245
Chi phí tài chính							203.378.008.188
Lợi nhuận trước thuế							234.913.133.899
Chi phí thuế TNDN hiện hành							53.158.030.118
Chi phí thuế TNDN hoãn lại							12.200.968.137
Lợi nhuận trong năm							169.554.135.644

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-ĐN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	22.367.044.558	5.574.187.535
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.977.563.032	16.145.972.057
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.078.032.678	-
Lãi bán ngoại tệ	1.030.887.021	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	2.455.644.320	2.855.335.389
	30.909.171.609	24.575.494.981

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Chi phí lãi vay	74.963.084.497	52.424.458.678
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	121.370.074.006	22.299.043.343
Chiết khấu bán hàng chậm thanh toán	-	43.037.150
Chiết khấu thanh toán cho đại lý	4.765.214.401	-
Chi phí tài chính khác	2.279.635.284	830.077.877
	203.378.008.188	75.596.617.048

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	234.913.133.899	107.871.454.693
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>	<i>5.722.642.658</i>	<i>21.286.194.284</i>
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.694.739.548	226.765.038
- Lỗ không tính thuế	1.027.903.110	21.059.429.246
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>(7.687.918.564)</i>
- Chuyển lỗ năm 2009 của Công ty mẹ	-	(7.458.006.700)
- Thu nhập không chịu thuế	-	(229.911.864)
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	240.635.776.557	121.469.730.413
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25% x 50%</i>	<i>12.102.633.613</i>	<i>7.841.359.466</i>
<i>Thu nhập chịu thuế suất 25%</i>	<i>228.533.142.944</i>	<i>113.628.370.947</i>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	252.603.051
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	58.646.114.938	29.639.865.722
Chi phí thuế thu nhập hiện hành phải nộp trong năm	58.646.114.938	29.639.865.722

Tổng Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Văn phòng Tổng Công ty và Petrosetco Vũng Tàu được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kể từ năm đầu tiên kinh doanh có lãi và được miễn 50% trong ba năm tiếp theo. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã đăng ký với cơ quan thuế về việc áp dụng các ưu đãi thuế từ năm 2007. Năm 2011 là năm cuối cùng Tổng Công ty áp dụng miễn 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	169.554.135.644	78.231.588.971
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	165.417.460.613	78.187.395.093
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	69.560.800	55.451.503
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.378	1.410

26. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Ngày 04 tháng 11 năm 2010, Tổng Công ty ký hợp đồng thuê văn phòng làm việc và cho thuê với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tổng diện tích thuê là 4.844,36 m² của tòa nhà PetroVietnam số 1-5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh với thời gian thuê là 50 năm kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Tổng Công ty còn phải trả cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 173.771.808.984 VND.

Theo hợp đồng số 30/2011/PVFC-PETROSETCO ngày 28 tháng 4 năm 2011 Tổng công ty thực hiện cam kết nhận chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty TNHH Kinh doanh Văn phòng Dầu khí Petro Tower Ltd từ Tổng công ty cổ phần dầu khí Việt Nam với số tiền 29.861.148.450 đồng, tương ứng 24% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 các bên chưa thực hiện xong các thủ tục chuyển giao quyền sở hữu và Tổng công ty mới thực hiện ứng trước 1.493.057.423 đồng liên quan đến giao dịch chuyển nhượng này. Tài sản thuần của Công ty TNHH Kinh Doanh Văn phòng Dầu khí Petro Tower Ltd tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2011 là 2.876.182 USD (tương đương khoảng 59,3 tỷ đồng). Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm bất cứ nghiệp vụ nào đánh giá giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Bán hàng		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	47,010,130,773	241,059,138,727
Các đơn vị thành viên PetroViet Nam	281,946,843,393	126,183,899,883
Vay vốn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - nhận nợ vay	700,000,000,000	500,000,000,000
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - hoàn trả nợ vay	3,790,779,486	3,814,447,386
Các nghiệp vụ khác		
Phí thương hiệu, phí quản lý phát sinh với Petro Việt Nam	5.663,086,771	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Lầu 6, tòa nhà PetroVietnam, số 1 - 5 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***27. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Số dư với các bên liên quan:*

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	14,170,369,320	11,911,486,166
Phải thu từ các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	61,841,152,239	37,766,492,333
Trả trước cho người bán		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	20,918,202,888
Các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	68,511,773,835	-
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	27,465,262,010	25,519,580,372
Phải thu từ các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	4,797,445,699	13,300,978,950
Các khoản phải trả		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	175,561,187,769	309,094,998,847
Phải trả các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	206,993,475,595	218,715,762,242
Các khoản phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	68,905,998,000	30,598,994,475
Người mua trả tiền trước		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	8,069,850,659	7,597,850,659
Phải trả các đơn vị thành viên Petro Việt Nam	253,418,825,634	165,873,802,468
Tiền gửi		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	40,000,000,000	20,000,000,000
Các khoản vay		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - Vay dài hạn	22,721,009,013	26,511,788,498
Vay ngắn hạn	700,000,000,000	-

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/6/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010
	VND	VND
Lương	1,143,126,165	1,301,688,000
Tiền thưởng và các khoản phúc lợi	2,127,527,839	4,772,757,872
	3,270,654,004	6,074,445,872

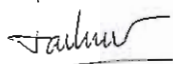
28. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 20/NQ-DVTHDK ngày 21 tháng 7 năm 2011 của Hội đồng quản trị, Tổng công ty thực hiện bán một phần cổ phần nắm giữ cho cán bộ nhân viên Công ty PSA. Đến thời điểm hiện tại việc thực hiện bán cổ phần vẫn đang trong giai đoạn thực hiện.

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo cùng kỳ năm trước (cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/6/2010) đã được soát xét.

NGƯỜI LẬP BIỂU



TRƯƠNG ĐẠI HÙNG

KẾ TOÁN TRƯỞNG



ĐÀO VĂN ĐẠI

Ngày 01 tháng 08 năm 2011

